

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2023

NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ

Mã ngành: 7310106

Trình độ: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2023

Số: 984/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

Danh sách các ngành đào tạo và chương trình đào tạo đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, BĐCL.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH TẾ - LUẬT
Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 984/QĐ-ĐHKTL ngày 19 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT	Mã ngành	Tên chương trình đào tạo	Khoa quản lý	Ghi chú
1	7310101	Kinh tế	Khoa Kinh tế	
2	7310106	Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế đối ngoại	
3	7340120	Kinh doanh quốc tế	Khoa Kinh tế đối ngoại	
4	7310108	Toán kinh tế	Khoa Toán kinh tế	
5	7340101	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
6	7340115	Marketing	Khoa Quản trị kinh doanh	
7	7340201	Tài chính ngân hàng	Khoa Tài chính - Ngân hàng	
8	7340205	Công nghệ tài chính	Khoa Tài chính - Ngân hàng	
9	7340301	Kế toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
10	7340302	Kiểm toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
11	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Khoa Hệ thống thông tin	
12	7340122	Thương mại điện tử	Khoa Hệ thống thông tin	
13	7380101	Luật	Khoa Luật	
14	7380107	Luật kinh tế	Khoa Luật kinh tế	



Handwritten signature

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 984/QĐ-ĐHKTL ngày 19 tháng 7 năm 2023

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Tên chương trình: **Kinh tế quốc tế**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Kinh tế quốc tế**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Mã ngành đào tạo: **7310106**

Bằng tốt nghiệp: **Cử nhân**

Ngôn ngữ đào tạo: **Tiếng Việt**

Bộ môn phụ trách: **Kinh tế quốc tế**

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung	
<p>Mục tiêu chung của chương trình nhằm đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, không chỉ có kiến thức vững vàng về những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực kinh tế nói chung mà còn sự hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế quốc tế nói riêng. Ngoài ra, người học còn được trang bị những kỹ năng, phẩm chất cần thiết để có thể thích ứng, nhạy bén và tự tin trước những thay đổi của môi trường kinh tế toàn cầu. Bằng cách cung cấp những trải nghiệm học tập khác nhau trong và ngoài lớp học, người học được khuyến khích phát triển kỹ năng tư duy toàn cầu, có trải nghiệm học tập hiệu quả tại Trường Đại học Kinh tế - Luật để trở thành nền tảng của học tập suốt đời.</p>	
Mục tiêu cụ thể	
PO1	<p><i>Kiến thức cơ bản theo chiều rộng:</i> sinh viên hiểu biết về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học pháp lý, khoa học kinh tế để có thể áp dụng kiến thức thành công trong nhiều lĩnh vực và các vị trí tuyển dụng</p>

PO2	<i>Kiến thức chuyên sâu:</i> sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về Kinh tế, kinh doanh và chuyên sâu về Kinh tế quốc tế để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động hoặc tiếp tục học ở bậc sau đại học
PO3	<i>Tính chuyên nghiệp:</i> trang bị cho sinh viên những kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm để thích nghi cao với những thách thức của thế kỉ 21
PO4	<i>Phẩm chất cá nhân và kỹ năng tiếng Anh:</i> trang bị cho sinh viên có đạo đức nghề nghiệp, thái độ đúng đắn, khả năng học tập và tự học suốt đời. Đồng thời, trang bị cho sinh viên kỹ năng tiếng Anh thông qua các hoạt động học tập, nghiên cứu, sinh hoạt ngoại khóa ... nhằm đảm bảo sinh viên sẵn sàng làm việc trong môi trường toàn cầu

2. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế quốc tế có thể tham gia vào các tổ chức như:

- Các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp logistics và vận tải quốc tế, các trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư.
- Văn phòng tư vấn XNK, đầu tư nước ngoài; Các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.
- Các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính quốc tế.
- Các trường đại học, các viện nghiên cứu kinh tế.
- Các Bộ, Ban, Ngành, địa phương như: Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước, Phòng Thương mại, Hải quan, các sở Công thương, Kế hoạch và Đầu tư...
- Các tổ chức quốc tế như: Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), ... hoặc tại các tổ chức phi chính phủ (NGO).

Sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế quốc tế có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc như:

- Chuyên viên hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách trong các lĩnh vực thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn chính sách trong các lĩnh vực này.
- Chuyên viên theo dõi, phân tích và tư vấn các dự án quốc tế các tổ chức quốc tế. Triển vọng có thể trở thành các nhà quản lý dự án phát triển quốc tế.
- Chuyên viên lập kế hoạch, giám sát hoặc thực thi các hoạt động xuất, nhập khẩu, nghiên cứu, phát triển thị trường quốc tế; Kinh doanh dịch vụ logistics; Tư vấn đầu tư quốc tế; Xúc tiến thương mại; Triển vọng có thể trở thành nhà quản lí hay doanh

nhân trong lĩnh vực thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế hoặc nhà quản trị logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế; triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên và giảng viên có chuyên môn sâu trong lĩnh vực Thương mại quốc tế, Đầu tư quốc tế, Tài chính quốc tế, Kinh doanh quốc tế, quản trị Logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Tự lập nghiệp, khởi sự kinh doanh, tạo lập doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nói chung và lĩnh vực kinh doanh quốc tế, giao nhận, vận tải và logistics nói riêng.

3. Chuẩn đầu ra

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ*
A. Kiến thức	PLO 1 - Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế, chính trị, xã hội, pháp lý, nhân văn, tự nhiên; công nghệ thông tin và ngoại ngữ để giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, quản lý	(3)
	PLO 2 - Áp dụng kiến thức cơ sở nhóm ngành kinh tế, quản lý để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong bối cảnh đa dạng của lĩnh vực kinh tế quốc tế.	(3)
	PLO 3 - Áp dụng kiến thức chuyên sâu chuyên ngành Kinh tế quốc tế để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	(3)
B. Kỹ năng và phẩm chất	PLO 4 - Thể hiện khả năng thu thập thông tin và phân tích dữ liệu, đặc biệt ứng dụng công nghệ số để giải quyết vấn đề và ra quyết định trong các hoạt động kinh tế, kinh doanh và các vấn đề liên quan đến kinh tế quốc tế.	(3)
	PLO 5 - Thể hiện khả năng tư duy phản biện và tư duy hệ thống trong nhiều bối cảnh kinh tế khác nhau.	(3)
	PLO 6 - Thể hiện khả năng giao tiếp tốt, có thể làm việc với người khác trong các bối cảnh kinh tế và nghề nghiệp khác nhau, trong đó năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh tương TOEIC 500	(3)
	PLO 7 - Thể hiện năng lực tổ chức, tạo ra tầm nhìn và điều kiện làm việc thuận lợi cho người khác.	(3)
	PLO 8 - Thể hiện thái độ, tư tưởng đúng đắn; có đạo đức, công bằng và trách nhiệm đối với cộng đồng.	(3)

	PLO 9 - Thể hiện khả năng nghiên cứu, khám phá tri thức và khả năng học tập suốt đời.	(3)
C. Năng lực thực hành nghề nghiệp	PLO 10 - Hiểu rõ bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường.	(2)
	PLO 11 - Hiểu rõ bối cảnh của doanh nghiệp, của tổ chức.	(2)
	PLO 12 - Thể hiện năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch và triển khai kế hoạch/dự án kinh tế quốc tế.	(4)

Danh sách các chỉ báo của Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trọng số (%)	Mức độ *
PLO1	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế, chính trị, xã hội, pháp lý, nhân văn, tự nhiên để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, quản lý.		
PI 1.1	Áp dụng nguyên lý chủ nghĩa Mác Lê để giải thích các vấn đề thực tế kinh tế xã hội	25	[3]
PI 1.2	Hiểu đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam và vận dụng lý giải vấn đề thực tế	10	[3]
PI 1.3	Hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng lý giải vấn đề thực tế	10	[3]
PI 1.4	Ứng dụng các kiến thức kinh tế vi mô để phân tích, tổng hợp và đánh giá các chính sách kinh tế của chính phủ có thể ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng, nhà sản xuất và các thị trường.	10	[3]
PI 1.5	Áp dụng các nguyên lý kinh tế vĩ mô giải quyết vấn đề kinh tế xã hội	10	[3]
PI 1.6	Hiểu các nội dung cơ bản về pháp luật Việt Nam và áp dụng giải quyết vấn đề pháp luật trong kinh tế, quản lý	25	[3]
PI 1.7	Phân tích tác động của môi trường kinh doanh đến việc ra quyết định của nhà quản trị, hiểu quá trình quản trị và áp dụng giải quyết tình huống quản trị trong thực tế	10	[3]

PLO2	Áp dụng kiến thức cơ sở nhóm ngành kinh tế, quản lý để giải quyết các vấn đề kinh tế trong bối cảnh đa dạng.		
PI 2.1	Áp dụng kiến thức toán học (đạo hàm, ma trận, vector, giải tích..) để giải quyết bài những bài toán kinh tế trong thực tế.	9	[3]
PI 2.2	Áp dụng kiến thức thống kê giải quyết vấn đề kinh tế xã hội	9	[3]
PI 2.3	Áp dụng các nguyên lý kế toán để thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản trong kế toán tại doanh nghiệp	9	[3]
PI 2.4	Áp dụng các kiến thức cơ bản về tài chính-tiền tệ giải quyết tình huống, vấn đề thực tế	9	[3]
PI 2.5	Áp dụng kiến thức kinh tế lượng giải quyết vấn đề kinh tế xã hội	9	[3]
PI 2.6	Áp dụng kiến thức phân tích dữ liệu giải quyết vấn đề kinh doanh	9	[3]
PI 2.7	Áp dụng các nguyên tắc cơ bản của kế toán tài chính nhằm phân tích các báo cáo tài chính và các chỉ số tài chính.	9	[3]
PI 2.8	Áp dụng nguyên lý Marketing để phân tích môi trường marketing, khách hàng, ngành và đối thủ cạnh tranh; phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu	8	[3]
PI 2.9	Áp dụng kiến thức kinh tế quốc tế để xác định/ tính toán các tác động của thương mại quốc tế, chính sách thương mại đến các bên liên quan	10	[3]
PI 2.10	Áp dụng đặc trưng, các nguyên tắc cơ bản của kinh tế đối ngoại và áp dụng để giải thích, phân tích chính sách kinh tế đối ngoại	10	[3]
PI 2.11	Áp dụng kiến thức phân bổ nguồn lực khan hiếm và sự phát triển bền vững trong giải quyết vấn đề kinh tế	9	[3]

PLO3	Áp dụng kiến thức chuyên ngành kinh tế quốc tế để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế.		
PI 3.1	Hiểu các vấn đề cơ bản trong hoạt động kinh tế quốc tế và thiết kế dự án kinh tế quốc tế; thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, phương pháp học tập chủ động, thái độ sống tích cực và các vấn đề đạo đức kinh doanh.	7	[3]
PI 3.2	Hiểu cách xác định một vấn đề nghiên cứu, lựa chọn và áp dụng các phương pháp nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu trong kinh tế	7	[3]
PI 3.3	Áp dụng các kiến thức về thẩm định và quản trị dự án để lựa chọn dự án tối ưu và quản lý dự án hiệu quả.	7	[3]
PI 3.4	Vận dụng kiến thức nâng cao về lý thuyết thương mại quốc tế để phân tích tác động của thương mại quốc tế, chính sách thương mại đến các bên liên quan	7	[3]
PI.3.5	Xây dựng chiến lược Marketing cho các hoạt động kinh doanh tại thị trường nước ngoài		[3]
PI 3.6	Vận dụng kiến thức tài chính quốc tế để phân biệt và phân tích tiền tệ và chính sách tỷ giá hối đoái	7	[3]
PI 3.7	Áp dụng các kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế để phân tích, đánh giá các tình huống kinh doanh quốc tế; thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu ngành và thị trường quốc tế nhằm đề xuất giải pháp cho việc kinh doanh sản phẩm của doanh nghiệp ở thị trường nước ngoài.	7	[3]
PI 3.8	Xây dựng các phương án quản trị tài chính tối ưu cho các công ty đa quốc gia.	7	[3]
PI 3.9	Hiểu lý thuyết, kiến thức thực tiễn và thực hành mô phỏng các hoạt động giao nhận vận tải và bảo hiểm hàng hóa.	7	[3]
PI 3.10	Áp dụng các kiến thức về thanh toán quốc tế trong hoạt động xuất nhập khẩu.	7	[3]

PI 3.11	Áp dụng được các kiến thức về Logistics trong hoạt động kinh doanh	7	[3]
PI 3.12	Áp dụng các nguyên tắc, kỹ năng trong đàm phán để đàm phán trong bối cảnh kinh doanh quốc tế với các đối tác đến từ các nền văn hóa khác nhau.	7	[3]
PI 3.13	Áp dụng, xây dựng và quản lý các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.	7	[3]
PI 3.14	Áp dụng những kiến thức và công cụ phân tích để giải quyết một vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp hoặc nền kinh tế	9	[3]
PLO4	Thể hiện khả năng thu thập thông tin và phân tích dữ liệu, đặc biệt ứng dụng công nghệ số để giải quyết vấn đề và ra quyết định kinh doanh, kinh tế		
PI 4.1	Thực hiện được khả năng thu thập số liệu từ nhiều nguồn khác nhau	25	[3]
PI 4.3	Phân tích dữ liệu bằng nhiều phương pháp khác nhau phù hợp với từng loại dữ liệu	35	[3]
PI 4.4	Biết sử dụng công cụ phần mềm (Excel, SPSS, Stata, R, Python...) phù hợp với các bài toán phân tích khác nhau (tính toán các bài toán trong kinh tế học; trình bày và xử lý dữ liệu thống kê cơ bản; chạy mô hình hồi quy, kiểm định giả thuyết; phân tích mô hình ra quyết định trong nghiên cứu thị trường)	30	[3]
PI 4.5	Biết sử dụng phần mềm hệ thống thông tin kế toán và phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp SAP (SAP ERP System).	10	[2]
PLO5	Thể hiện khả năng tư duy phản biện và tư duy hệ thống trong nhiều bối cảnh kinh doanh khác nhau.		
PI 5.1	Thể hiện khả năng tư duy phản biện khi nhìn nhận và giải quyết vấn đề	25	[3]
PI 5.2	Xác định vấn đề/câu hỏi nghiên cứu phù hợp mục tiêu nghiên cứu	25	[3]

PI 5.3	Hiểu phương pháp tư duy hệ thống	25	[3]
PI 5.4	Áp dụng tư duy hệ thống khi hình thành ý tưởng, xây dựng kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động kinh doanh.	25	[3]
PLO6	Thể hiện khả năng giao tiếp tốt, có thể làm việc với người khác trong các bối cảnh kinh tế và nghề nghiệp khác nhau, trong đó năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh tương đương TOEIC 500		
PI 6.1	Thể hiện khả năng giao tiếp đa dạng bằng nhiều phương tiện truyền thông (văn bản, đồ họa, các phương tiện điện tử và đa truyền thông trong thời đại số)	14	[3]
PI 6.2	Thể hiện khả năng thuyết trình nói; hỏi, nghe và đối thoại	14	[3]
PI 6.3	Thể hiện khả năng đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột	14	[3]
PI 6.4	Thể hiện khả năng xây dựng mạng lưới quan hệ khác nhau	14	[3]
PI 6.5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập trong các điều kiện khác nhau	14	[3]
PI 6.6	Thể hiện khả năng hình thành nhóm, hoạt động nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm	15	[3]
PI 6.7	Thể hiện khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh bốn kỹ năng tương đương TOEIC 500	15	[3]
PLO7	Thể hiện năng lực tổ chức, tạo ra tầm nhìn và điều kiện làm việc thuận lợi cho người khác.		
PI 7.1	Thể hiện khả năng lập kế hoạch, phân công nhân sự, quản lý thời gian, quản lý sự thay đổi.	30	[3]
PI 7.2	Thể hiện khả năng nhận diện vấn đề và đánh giá, lựa chọn các giải pháp hợp lý	30	[3]
PI 7.3	Thể hiện khả năng chủ động nắm bắt cơ hội kinh doanh, sẵn sàng chấp nhận rủi ro	40	[3]

PLO8	Thể hiện thái độ, tư tưởng đúng đắn; có đạo đức, công bằng và trách nhiệm đối với cộng đồng.		
PI 8.1	Có ý thức trách nhiệm chấp hành pháp luật	30	[3]
PI 8.2	Chấp nhận sự khác biệt và công bằng	10	[3]
PI 8.3	Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm cử nhân Kinh tế quốc tế đối với xã hội	10	[1]
PI 8.4	Hình thành phong cách hành xử chuyên nghiệp	10	[2]
PI 8.5	Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống	10	[2]
PI 8.6	Có ý thức liêm chính trong học thuật và đạo đức trong kinh doanh	20	[3]
PI 8.7	Có ý thức về trách nhiệm xã hội trong kinh doanh	10	[2]
PLO9	Thể hiện khả năng nghiên cứu, khám phá tri thức và khả năng học tập suốt đời.		
PI 9.1	Thể hiện khả năng phát hiện vấn đề, xác định mục tiêu nghiên cứu	25	[3]
PI 9.2	Thể hiện khả năng lựa chọn phương pháp nghiên cứu, tổ chức và triển khai nghiên cứu	25	[3]
PI 9.3	Thể hiện khả năng chia sẻ tri thức mới	25	[3]
PI 9.4	Thể hiện khả năng học tập và rèn luyện suốt đời	25	[3]
PLO10	Hiểu rõ bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường		
PI 10.1	Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố môi trường bên ngoài đến các hoạt động Kinh tế quốc tế	80	[3]
PI 10.2	Có ý thức về phát triển bền vững trong Kinh tế quốc tế	20	[2]
PLO11	Hiểu rõ bối cảnh của doanh nghiệp, của tổ chức.		
PI 11.1	Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố nguồn lực trong doanh nghiệp đến các hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp	60	[3]

PI 11.2	Hiểu về các bên liên quan, chiến lược và mục tiêu của doanh nghiệp	10	[2]
PI 11.3	Phát triển và đánh giá, sáng kiến kinh doanh	10	[3]
PI 11.4	Đánh giá và lựa chọn các chiến lược phòng ngừa phù hợp với các loại hình rủi ro khác nhau	10	[3]
PLO12	Thể hiện năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch và triển khai kế hoạch/dự án Kinh tế quốc tế.		
PI 12.1	Hình thành ý tưởng cho kế hoạch/dự án Kinh tế quốc tế	25	[3]
PI.12.2	Thiết kế kế hoạch/dự án Kinh tế quốc tế	25	[4]
PI 12.3	Đánh giá kế hoạch/dự án Kinh tế quốc tế	25	[4]
PI.12.4	Hoàn thiện kế hoạch/dự án Kinh tế quốc tế	25	[4]

4. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình đại học ngành Kinh tế quốc tế là 4 năm, 8 học kỳ.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Kiến thức	Khối lượng (tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	36	
1.1 Các học phần lý luận chính trị Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (bắt buộc)	11	
1.2 Các học phần của Trường (bắt buộc)	15	Trường quy định bắt buộc
1.3 Các học phần của Trường (tự chọn)	10	SV tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định, SV tự chọn 10 TC (5 HP)
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	94	
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành (bắt buộc)	15	

2.2 Kiến thức cơ sở nhóm ngành (bắt buộc)	11	
2.3 Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)	6	
2.4 Kiến thức ngành/ chuyên ngành	52	SV tự chọn 15 TC (11 HP)
2.4.1. Các học phần bắt buộc	37	
2.4.2. Các học phần tự chọn	15	
2.5 Kiến tập, thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp/học phần chuyên đề	10	
TỔNG SỐ	130	Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ – 20 TC, giáo dục thể chất – 6 TC và giáo dục quốc phòng và an ninh – 165 tiết

6. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

7. Quy định đào tạo

7.1. Căn cứ pháp lý

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo:

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH;
- Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình GDĐH;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành ĐT, đình chỉ hoạt động của ngành ĐT trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của GDĐH;
- Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;
- Quyết định số 1268/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Quyết định số 953/QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định công tác Cố vấn học tập.

7.2. Triển khai thực hiện chương trình

Phân bố thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo được chia làm 8 học kỳ.

Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.

Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.

Thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 8.

Phương pháp dạy và học: Kết hợp nhiều loại phương pháp dạy và học, trong đó có các phương pháp thuyết giảng chủ động, phương pháp dạy học tích cực, phương pháp dạy học tích cực theo nhóm, phương pháp trò chơi, case study, phương pháp dạy học tích cực theo dự án, phương pháp blended learning, phương pháp hybrid learning.

7.3. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sinh viên phải được đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, tương ứng với từng học phần sẽ có các chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện trong các bài kiểm tra quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ.

7.4. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp cử nhân chương trình đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của Trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và hoàn thành các học phần điều kiện theo quy định của ĐHQG-HCM và của Trường;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt trung bình trở lên (Không học phần nào có điểm dưới 5.0);

- Điểm rèn luyện đạt quy định theo Quy chế công tác sinh viên;
- Hoàn tất nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

8. Cách thức đánh giá

Quyết định số 1268/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

9. Nội dung chương trình đào tạo

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Khối kiến thức đại cương	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
				Tổng	Cơ sở khối ngành	Cơ sở nhóm ngành	Cơ sở ngành	Ngành/ Chuyên ngành	Kiến tập, thực tập TN và Khóa luận TN/HP chuyên đề
Đại học	4 năm	130	36	94	15	11	6	52	10

9.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 36 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1.1	Lý luận chính trị Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 tín chỉ		11	11			
Học phần bắt buộc			11	11			
1	BDG1001	Triết học Mác – Lênin	3	3			
2	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2			
3	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			

4	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
5	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2			
1.2	Các học phần của Trường		25	25			
Học phần bắt buộc			15	15			
6	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	3			
7	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3	3			
8	BLB1048	Nhập môn luật học	3	3			
9	BKB1046	Pháp luật doanh nghiệp	3	3			
10	BBB1067	Quản trị học	3	3			
Học phần tự chọn			10	10			
Nhóm 1 (Chọn 2 HP)			4	4			
1	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	2			
2	BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	2			
3	BDG1008	Xã hội học	2	2			
4	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	2			
5	BDG1010	Văn hóa học	2	2			
Nhóm 2 (Chọn 3 HP)			6	6			
1	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	2	2			
2	BDG1011	Logic học	2	2			
3	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	2			
4	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2			

5	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	2			
---	---------	----------------------------------	---	---	--	--	--

9.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94 tín chỉ

9.2.1 Khối kiến thức cơ sở của khối ngành (khối khoa học xã hội và hành vi; khối kinh doanh và quản lý): 15 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			15	15			
1	BMM2024	Toán kinh tế	3	3			
2	BMA2022	Thống kê trong kinh doanh	3	3			
3	BAA2028	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			
5	BMA2023	Kinh tế lượng	3	3			

9.2.2 Khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành khối khoa học xã hội và hành vi: 11 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			11	11			
1	BMA2025	Phân tích dữ liệu	3	3			
2	BEM2039	Kinh tế phát triển	3	3			

3	BRE2031	Kinh tế quốc tế	3	3			
4	BBM2066	Marketing	2	2			

9.2.3 Khối kiến thức cơ sở ngành: 6 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			6	6			
1	BRE3010	Giới thiệu ngành Kinh tế quốc tế	3	3			
2	BRE3011	Kinh tế đối ngoại	3	3			

9.2.4 Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 52 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			37	37			
1	BBM5024	Marketing quốc tế	3	3			
2	BRB4015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3			
3	BRB4026	Thẩm định và quản trị dự án đầu tư	3	3			
4	BRE4012	Kinh tế quốc tế nâng cao	3	3			
5	BRE4002	Chính sách tài chính quốc tế	3	3			

6	BRB4001	Kinh doanh quốc tế	4	4			
7	BRB4022	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3			
8	BRE4028	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
9	BRE4027	Thanh toán quốc tế	3	3			
10	BRE4013	Logistics	3	3			
11	BRE4006	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
12	BRE4024	Quản trị xuất nhập khẩu	3	3			
Các học phần tự chọn			15	15			
Tự chọn (5 chọn 2)			6	6			
1	BKT5023	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	BIE5043	Thương mại điện tử	3	3			
3	BIM5006	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	3	3			
4	BRE4008	Giao dịch thương mại quốc tế	3	3			
5	BBB3025	Mô hình kinh doanh số	3	3			
Tự chọn (2 chọn 1)			3	3			
6	BKB4020	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
7	BRB4017	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3			
Tự chọn (4 chọn 2)			6	6			

8	BRB4019	Quản trị đa văn hóa	3	3			
9	BRB4007	Đầu tư quốc tế	3	3			
10	BRB4016	Quản lý kho hàng và phân phối	3	3			
11	BRB4020	Quản trị mua hàng toàn cầu	3	3			

9.3 Khối kiến thức kiến tập, thực tập cuối khoá và khóa luận TN/HP chuyên đề

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			10				
1	BUU6002	Kiến tập	2		2		
2	BUU6003	Thực tập cuối khoá	4		4		
3	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4			
Học phần thay thế cho sinh viên không thực hiện khóa luận			4	4			
4	BRE4004	Chuyên đề: Thuế và thủ tục hải quan	2	2			
	BRE4005	Chuyên đề: Chính sách thương mại quốc tế	2	2			

Ghi chú:

- Tất cả sinh viên đều phải đi kiến tập, thực tập chuyên môn cuối khóa và hoàn tất báo cáo kiến tập, báo cáo thực tập, tương đương 6 TC.
- Học phần kiến tập sẽ tổ chức vào cuối học kỳ 6, trong thời gian hè.
- Sinh viên chọn làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 học phần chuyên môn (4 tín chỉ) trong học kỳ 8. Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng.

9.4. Khối kiến thức ngoại ngữ: 20 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				Điều kiện tiên quyết*	
			Tổng	LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
1	BVL1001	Tiếng Anh 1	5	5				
2	BVL1002	Tiếng Anh 2	5	5				
3	BVL1003	Tiếng Anh 3	5	5				
4	BVL1004	Tiếng Anh 4	5	5				

**Điều kiện tiên quyết theo các quy định của Chương trình Tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế - Luật hiện hành; sinh viên sẽ được miễn tiếng Anh khi có chứng chỉ quốc tế đáp ứng chuẩn đầu ra.*

10. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
HỌC KỲ 1			19	19				
Học phần bắt buộc			15	15				

1	BDG1001	Triết học Mác - Lênin	3	3				
2	BRE3010	Giới thiệu ngành Kinh tế quốc tế	3	3				
3	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	3				
4	BLB1048	Nhập môn luật học	3	3				
5	BMM2024	Toán Kinh tế	3	3				
Học phần tự chọn (5 chọn 2)			4	4				
6	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	2				
7	BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	2				
8	BDG1008	Xã hội học	2	2				
9	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	2				
10	BDG1010	Văn hóa học	2	2				
Học phần giáo dục thể chất			3					
11	BDG1012	Giáo dục thể chất 1	3					
HỌC KỲ 2			21	21				
Học phần bắt buộc			15	15				
1	BKB1046	Pháp luật doanh nghiệp	3	3				
2	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3	3				BEE1037
3	BAA2028	Nguyên lý kế toán	3	3				
4	BBB1067	Quản trị học	3	3				
5	BMA2022	Thống kê trong kinh doanh	3	3				BMM2024
Tự chọn (5 chọn 3)			6	6				
6	BIE1051	Công nghệ thông tin	2	2				

		tin và truyền thông mới (New ICT)					
7	BDG1011	Logic học	2	2			
8	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	2			
9	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2			
10	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	2			
Học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng							
11	BDG1013	Giáo dục thể chất 2	3				
12	BDG1014	Giáo dục quốc phòng	165t				
HỌC KỲ 3			16	16			
Học phần bắt buộc			16	16			
1	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2			
2	BEM2039	Kinh tế phát triển	3	3			BEE1038
3	BRE3011	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			BEE1038
5	BMA2025	Phân tích dữ liệu	3	3			BMA2022
6	BBM2066	Marketing	2	2			
HỌC KỲ 4			20	20			
Học phần bắt buộc			14	14			
1	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			

2	BBM5024	Marketing quốc tế	3	3				BBM2066
3	BRE2031	Kinh tế quốc tế	3	3				BEE1037
4	BMA2023	Kinh tế lượng	3	3				BMA2022
5	BRB4015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3				BMA2022
Học phần tự chọn (5 chọn 2)			6	6				
6	BKT5023	Luật thương mại quốc tế	3	3				
7	BIE5043	Thương mại điện tử	3	3				
8	BIM5006	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	3	3				
9	BRE4008	Giao dịch thương mại quốc tế	3	3				
10	BBB3025	Mô hình kinh doanh số	3	3				
HỌC KỲ 5			15	15				
Học phần bắt buộc			12	12				
1	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				
2	BRE4002	Chính sách tài chính quốc tế	3	3				BRE2031
3	BRB4001	Kinh doanh quốc tế	4	4				
4	BRE4012	Kinh tế quốc tế nâng cao	3	3				BRE2031
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			3	3				

5	BKB4020	Luật sở hữu trí tuệ	3	3				
6	BRB4017	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3				BMA2022
HỌC KỲ 6			19	17				
Học phần bắt buộc			13	11				
1	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2				
2	BUU6002	Kiến tập	2		2			
3	BRB4026	Thẩm định và quản trị dự án đầu tư	3	3				BEE1037 BAA2028 BBB1067
4	BRE4028	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3				
5	BRE4027	Thanh toán quốc tế	3	3				
Học phần tự chọn (4 chọn 2)			6	6				
6	BRB4016	Quản lý kho hàng và phân phối	3	3				BRB4017
7	BRB4020	Quản trị mua hàng toàn cầu	3	3				
8	BRB4007	Đầu tư quốc tế	3	3				BAA2028 BRE2031
9	BRB4019	Quản trị đa văn hóa	3	3				BBB1067
HỌC KỲ 7			12	12				
Học phần bắt buộc			12	12				
1	BRB4022	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	3				BAA2028 BRE2031



HỌC CHỖ

								BRB4001
2	BRE4013	Logistics	3	3				BMA2022
3	BRE4006	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3				
4	BRE4024	Quản trị xuất nhập khẩu	3	3				BRE4028
HỌC KỲ 8			8					
Học phần bắt buộc								
1	BUU6003	Thực tập cuối khoá	4		4			
2	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4				
Học phần thay thế cho sinh viên không thực hiện khóa luận			4	4				
3	BRE4004	Chuyên đề: Thuế và thủ tục hải quan	2	2				
4	BRE4005	Chuyên đề: Chính sách thương mại quốc tế	2	2				

11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần

11.1. Học phần: Triết học Mác – Lênin

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, cũng như phân tích các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra

11.2. Học phần: Giới thiệu ngành kinh tế quốc tế

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động kinh tế quốc tế và ứng dụng kiến thức để thiết kế một hạng mục trong một dự án xuất nhập khẩu, từ đó tạo ra các sản phẩm liên quan đến hạng mục này. Ngoài ra, Học phần cũng nghiên cứu các phương pháp học tập chủ động, các kỹ năng về làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, giao tiếp trong kinh doanh, thái độ sống tích cực và các vấn đề về đạo đức kinh doanh.

11.3. Học phần: Kinh tế vi mô

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước: : Cung cầu thị trường, cân bằng cung cầu, hành vi người tiêu dùng, doanh nghiệp và sản xuất, lý thuyết chi phí, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm, cạnh tranh độc quyền, thị trường yếu tố sản xuất....Giúp sinh viên hiểu được hành vi của các doanh nghiệp, các cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng; Tạo cho sinh viên cách thức phân tích và mô tả các hoạt động kinh tế, ứng dụng các kỹ thuật thống kê và toán kinh tế, các lý thuyết để xây dựng các mô hình kinh tế.

11.4. Học phần: Nhập môn luật học

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những khối kiến thức sau: Khối kiến thức chung về pháp luật như khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc, các học thuyết pháp luật, nguồn luật và các dòng luật,...; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Nhà nước và các định chế pháp lý; Nghề luật và các kỹ năng pháp lý cơ bản.

11.5. Học phần: Toán kinh tế

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính (ĐSTT) và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là quan hệ tuyến tính (QHTT). Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế. Nội dung bao gồm: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; không gian R^n ; giá trị riêng, vector riêng của ma trận; dạng toàn phương; một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT và QHTT trong kinh tế; bài toán QHTT và phương pháp đơn hình, bài toán QHTT đối ngẫu. Hàm nhiều biến, sơ lược về giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm riêng và vi phân, cực trị

địa phương và cực trị toàn cục của hàm hai biến; sơ lược về tích phân kép và phương trình vi phân cấp 1, cấp 2; ứng dụng của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

11.6. Học phần: Tâm lý ứng dụng

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học nói chung; vài nét về lịch sử hình thành Tâm lý học; bản chất của hiện tượng Tâm lý người; những đặc điểm đặc trưng của các hiện tượng Tâm lý cơ bản của con người: các quá trình nhận thức, tình cảm, ý chí và nhân cách và một số hiện tượng tâm lý trong tập thể.

11.7. Học phần: Khoa học giao tiếp

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Khoa học giao tiếp là Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, luật với nội dung bao gồm hệ thống tri thức trọng tâm nhất về giao tiếp. Học phần sẽ được hệ thống hóa và trang bị những vấn đề chung về chung của giao tiếp như khái niệm, nguyên tắc, chức năng, vai trò của hoạt động giao tiếp; hình thức, phương tiện giao tiếp; giao tiếp xã hội và hệ thống kỹ năng giao tiếp cần phát triển cho sinh viên để đáp ứng yêu cầu hoạt động học tập và công việc trong tương lai.

11.8. Học phần: Xã hội học

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên không chuyên ngành xã hội học nói chung, các trường đại học không chuyên nói riêng những kiến thức cơ bản về hệ thống lý luận Xã hội học, bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển của ngành khoa học xã hội trong tiến trình phát triển của nhận thức, tiến bộ xã hội và khoa học kỹ thuật; các khái niệm, phạm trù cơ bản của xã hội học; các lĩnh vực nghiên cứu chính của khoa học xã hội học trong đời sống con người thông qua các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu, học tập Học phần xã hội học.

11.9. Học phần: Quan hệ quốc tế

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trong thời kỳ Toàn cầu hóa đang diễn ra sâu rộng và ngày càng có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của từng cá nhân, Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế như đối tượng, các phương pháp

nghiên cứu của lĩnh vực quan hệ quốc tế, các loại hình chủ thể và động lực tham gia quan hệ quốc tế, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế (quyền lực, ngoại giao), hệ thống quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột-chiến tranh hay hợp tác-hội nhập, quản trị toàn cầu...

11.10. Học phần: Văn hóa học

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Cung cấp cho SV nền tảng nhận thức về văn hóa, giá trị các thực hành xã hội, năng lực phán đoán giá trị; các trào lưu văn hóa mới; những đặc điểm quan trọng nhất của văn hóa Việt Nam.

Sau khi kết thúc Học phần, sinh viên được kỳ vọng sẽ đạt được những hiểu biết và kỹ năng cơ bản trong hội nhập quốc tế-nền tảng cơ bản đầu tiên của công dân toàn cầu.

11.11. Học phần: Pháp luật doanh nghiệp

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần Pháp luật doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khóa học kinh doanh, nắm bắt các nội dung cơ bản của một số vấn đề pháp lý liên quan đến doanh nghiệp, các vấn đề pháp lý trong quan hệ kinh doanh nội bộ doanh nghiệp.

11.12. Học phần: Kinh tế vĩ mô

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ. Học phần gồm các nội dung cơ bản sau: Tính sản lượng quốc gia và thu nhập quốc dân; Xác định tổng cung, tổng cầu, chính sách tài khoá; Thị trường tiền tệ và chính sách tiền tệ; Lạm phát và thất nghiệp; Nền kinh tế mở; Tăng trưởng và phát triển kinh tế; Giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định hoá nền kinh tế.

11.13. Học phần: Nguyên lý kế toán

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc kế toán căn bản, các vấn đề liên quan đến sổ sách và chứng từ kế toán, phương pháp kế toán quá trình sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc

cơ bản này để lập các bảng báo cáo kế toán như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

11.14. Học phần: Quản trị học

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chức năng và vai trò của một nhà quản trị, phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường nội sinh và môi trường ngoại sinh đến việc ra quyết định của nhà quản trị, cách thức hoạch định, tổ chức và ra quyết định của nhà quản trị. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản này vào một số lĩnh vực quản trị cơ bản như quản trị nguồn nhân lực, quản trị thông tin.

11.15. Học phần: Thống kê trong kinh doanh

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế

Nội dung học phần: Bộ cục học phần gồm 3 phần Thống kê mô tả, Xác suất và Thống kê suy diễn nhằm cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp cơ bản phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

11.16. Học phần: Các nền tảng công nghệ thông tin truyền thông mới (New ICT)

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trong Học phần này, sinh viên sẽ nghiên cứu các nguyên tắc đổi quy trình kinh doanh bằng việc ứng dụng các công nghệ khác nhau, thúc đẩy các chuyển đổi số trong kinh doanh và dẫn đến việc tạo ra các doanh nghiệp thông minh. Học phần này còn thảo luận, sử dụng các công nghệ mới nổi hiện nay làm ví dụ, cách áp dụng các công nghệ này vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Qua đó, giúp sinh viên khám phá các cơ hội kinh doanh khác nhau mà công nghệ mới tạo ra và hiểu rõ hơn về cách chúng có thể dẫn đến những thay đổi lớn trong cách kinh doanh và cho phép tạo ra các doanh nghiệp thông minh. Cụ thể, Học phần giới thiệu các vấn đề và công nghệ nền tảng trong thời đại mới như: Giới thiệu về công nghệ thông tin và truyền thông, chuyển đổi số, điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big data), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), công nghệ in 3D, chuỗi khối (Block chain), Internet vạn vật (Internet of Things).

11.17. Học phần: Logic học

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Môn Logic học là khoa học về tư duy hợp lý: giúp người học thao tác hóa khái niệm chính xác, hiệu quả; giúp nâng cao năng lực phán đoán; giúp suy luận hợp lý và Bác bỏ ngụy biện. Tóm lại Logic học là khoa học nâng cao kỹ năng tư duy hợp lý và hiệu quả trong quá trình nhận thức thế giới hiện thực và hoạt động thực tiễn.

11.18. Học phần: Tài chính cá nhân

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần tài chính cá nhân là học phần đại cương tự chọn dành cho sinh viên năm 1 của tất cả các chuyên ngành. Học phần này đề cập chủ yếu đến khía cạnh quản lý tài chính cá nhân và gia đình. Học phần hướng tới cung cấp các khái niệm tài chính gắn liền với các vấn đề/ quyết định tài chính mà cá nhân và hộ gia đình thường xuyên đối mặt trên thực tế như: quản lý nguồn ngân quỹ/thu nhập; thuế; tiết kiệm; mua nhà và các tài sản giá trị, vay mượn, bảo hiểm, đầu tư, hoạch định kế hoạch tài chính học đại học và sau đại học. Thông qua Học phần, sinh viên sẽ nắm bắt được các nguyên lý cũng như kỹ thuật/ phương pháp để quản lý nguồn thu-chi hay tài sản và nghĩa vụ tài chính của cá nhân/hộ gia đình. Thêm nữa, Học phần này cũng đề cập đến các trung gian tài chính trong mối quan hệ của các định chế tài chính với cá nhân/ hộ gia đình, cũng như nghiên cứu về các công cụ tài chính được các cá nhân và hộ gia đình sử dụng phổ biến. Nội dung bao quát trong chương trình gồm: Tổng quan lập kế hoạch tài chính cá nhân, lập báo cáo tài chính cá nhân và phân tích, quản trị rủi ro tài chính cá nhân, chi tiêu và lối sống, vay mượn và mối quan hệ, phụng sự và sự nghiệp.

11.19. Học phần: Sáng tạo và khởi nghiệp

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này sẽ giúp người học khám phá năng lực sáng tạo của bản thân và nuôi dưỡng khả năng tư duy sáng tạo suốt đời. Cung cấp điểm khởi đầu để bồi đắp tư duy cởi mở và đón nhận sự khác biệt, Học phần cũng khuyến khích sinh viên phát triển tư duy nhạy bén với những xu hướng chuyển động của thời đại số, chuẩn bị cho hành trình xây dựng sự nghiệp của bản thân trong tư thế tự chủ. Bên cạnh đó, Học phần cũng bước đầu trang bị cho người học những nhận thức sơ khởi về kinh doanh và quản lý trong lĩnh vực khởi nghiệp, khuyến khích sinh viên tự phát triển năng lực khởi nghiệp của bản thân ở vai trò là người sở hữu, đồng sở hữu hoặc thành viên.

11.20. Học phần: Kỹ năng lãnh đạo

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trên nền tảng hiểu được bản chất của con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của con người, các qui luật tâm lý, người học có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) vào trong việc xử lý các tình huống thực tế, nhằm đạt được hiệu quả trong quản lý. Sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từng kỹ năng của nhà lãnh đạo vào ứng xử các tình huống cụ thể. Kỹ năng Phong cách với Mô hình 3 phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do. Kỹ năng Quyền hạn, quyền lực với cơ sở 3 quyền lực: Vị trí, Cá nhân, chính trị. Kỹ năng Động viên, thuyết phục với ứng dụng thuyết Maslow 5 bậc nhu cầu: Căn bản, An toàn, Xã hội, tôn trọng, Thể hiện. Kỹ năng Tâm lý với 3 thuộc tính của Tâm lý: Tính khí, Tính cách, Năng lực.

11.21. Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.

11.22. Học phần: Kinh tế phát triển

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

Nội dung học phần: Cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến việc phân bổ hiệu quả các nguồn lực sản xuất khan hiếm và sự phát triển bền vững của họ theo thời gian; Cung cấp cho người học kiến thức về các cơ chế kinh tế, xã hội, chính trị và thể chế để tạo ra những cải thiện nhanh chóng và quy mô lớn về mức sống cho người dân ở các nước đang phát triển; Trang bị cho người học kỹ năng trình bày, làm việc nhóm và phân tích khi giải quyết các vấn đề phát triển mà các nước đang phát triển phải đối mặt; Trang bị cho người học khả năng giải quyết các vấn đề phát triển ở các nước nghèo và khởi xướng các hoạt động vì sự phát triển bền vững và toàn diện của cộng đồng.

11.23. Học phần: Kinh tế đối ngoại

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu cho sinh viên về những vấn đề của quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại; quan điểm, đường lối, nguyên tắc, chính sách phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong xu hướng khu vực hoá, quốc tế hoá và toàn cầu hoá kinh tế thế giới hiện nay.

11.24. Học phần: Nguyên lý thị trường tài chính

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức tổng quát về thị trường tài chính, các chủ thể tham gia thị trường cũng như các công cụ/hàng hóa của thị trường. Học viên cũng được cung cấp cơ sở lý thuyết cho các vấn đề liên quan như quản lý thị trường, bảo vệ nhà đầu tư, tác động/vai trò của thị trường tài chính trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, học viên có những đánh giá, nghiên cứu thực tiễn thị trường tài chính, các tổ chức cũng như các công cụ tài chính ở Việt Nam.

11.25. Học phần: Phân tích dữ liệu

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cốt lõi của thống kê ứng dụng qua việc sử dụng các công cụ này để phân tích các bộ dữ liệu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như tình hình hoạt động của thị trường trong và ngoài nước ở lĩnh vực mà doanh nghiệp quan tâm giúp cho việc ra quyết định của các doanh nghiệp trong mọi vấn đề sẽ toàn diện và đầy đủ nhất, hạn chế thấp nhất khả năng rủi ro trong hoạt động. Phân tích dữ liệu trong kinh doanh sử dụng đa dạng các công cụ của thống kê như bảng tần số, kiểm định giả thuyết, đồ thị, biểu đồ kiểm soát chất lượng... cũng như một số mô hình hồi quy qua các ví dụ, bộ dữ liệu gần với thực tế nhất sẽ giúp cho sinh viên thuận lợi trong việc vận dụng kiến thức của Học phần cho lĩnh vực mình theo đuổi. Cuối cùng, việc sử dụng các phần mềm thông dụng trong Học phần như SPSS, Stata, Python... sẽ giúp sinh viên tự tin với các yêu cầu của công việc liên quan trong tương lai.

11.26. Học phần: Marketing

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần Marketing tập trung giảng dạy các lý thuyết cơ bản về phân tích môi trường marketing, khách hàng, ngành và đối thủ cạnh tranh; phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; và một số vấn đề liên quan đến sản phẩm, định giá, phân phối bán hàng và chiêu thị và Thương hiệu.

11.27. Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các Học phần khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

11.28. Học phần: Marketing quốc tế

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Marketing

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức marketing đủ để có thể kinh doanh trên thị trường quốc tế, thị trường toàn cầu, cụ thể: người học biết được cách thức đánh giá và lựa chọn các cơ hội thị trường thế giới và cách thức xâm nhập thị trường thế giới, đồng thời vạch ra các chiến lược và kế hoạch marketing hỗn hợp ở thị trường xuất khẩu cụ thể và trên phạm vi thị trường toàn cầu.

11.29. Học phần: Kinh tế quốc tế

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học vi mô

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức nâng cao cho sinh viên về kinh tế học quốc tế. Trên cơ sở đó, cung cấp những kiến thức làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các Học phần thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại và để hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam.

11.30. Học phần: Kinh tế lượng

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh

Nội dung học phần: Học phần này giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, Học phần sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

11.31. Học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh

Nội dung học phần: Học phần được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

11.32. Học phần: Thương mại điện tử

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và tổng quan về TMĐT, ví dụ như hiểu được TMĐT là gì, các mô hình TMĐT, cơ hội và nguy cơ, rủi ro khi ứng dụng TMĐT, ...

11.33. Học phần: Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này giúp cho sinh viên hiểu rõ và có khả năng cài đặt, vận hành và khai thác giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý, các hệ thống (Business Intelligens - BI). Việc quản lý dữ liệu, thông tin và đưa ra những thống kê, báo cáo đóng vai trò rất quan trọng đối với mọi đơn vị, tổ chức và đặc biệt là các doanh nghiệp. Các thống kê báo cáo trong BI nhằm cung cấp các thông tin trực quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời sẽ giúp các nhà quản trị trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược cũng như xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn. Các con số, biểu mẫu thống kê là cơ sở quan trọng nhất để kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch, chiến lược và chính sách đó. Việc học Học phần này, sẽ giúp cho sinh viên vận dụng chuỗi các Học phần trước đó như: Cơ sở dữ liệu, các môn về kế toán, tài chính và quản lý để tổ chức một hệ thống BI hỗ trợ ra quyết định tốt hơn trong doanh nghiệp dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu bên trong và bên ngoài doanh nghiệp và điều này giúp cho doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh đó, Học phần này sẽ giúp cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng mềm và thái độ trong công việc sau này.

11.34. Học phần: Luật thương mại quốc tế

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cần thiết về pháp luật hợp đồng thông qua việc phân tích pháp luật của Việt Nam trong, so sánh với pháp luật của các nước và đối chiếu với thực tiễn. Trên cơ sở đó trang bị cho người

học các kỹ năng pháp lý trong việc đàm phán, soạn thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng trong kinh doanh quốc tế.

11.35. Học phần: Giao dịch thương mại quốc tế

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị kiến thức cho người học các thông tin cơ bản trước khi thực hiện giao dịch thương mại quốc tế; thực hiện các bước giao dịch thương mại cơ bản bằng các phương tiện điện tử. Học phần còn trang bị các kiến thức cơ bản về Incoterms; soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về các phương thức giao dịch phổ biến trên thế giới.

11.36. Học phần: Mô hình kinh doanh số

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần Mô hình kinh doanh số là cầu nối giữa kinh doanh truyền thống với kinh doanh hiện đại khi nền kinh tế toàn cầu dần dịch chuyển lên môi trường số. Học phần giúp người học biết được cốt lõi hoạt động của một doanh nghiệp số, xác định được cơ hội nhờ đó mô hình kinh doanh số có thể tạo ra sự đổi mới vượt bậc trong những thị trường mới hoặc hiện hữu, đánh giá được mức độ phù hợp của những mô hình kinh doanh cụ thể, hiểu được cách thiết kế mô hình kinh doanh số và hàm ý của nó với các lĩnh vực quản trị cụ thể trong doanh nghiệp như tài chính, kế toán, thông tin quản lý, quản trị nguồn nhân lực, bán hàng, marketing... Học phần được thiết kế gồm sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, với những ví dụ sinh động từ các doanh nghiệp có thật, cùng cơ hội thực hành phân tích và thiết kế mô hình kinh doanh số cho người học.

11.37. Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

11.38. Học phần: Chính sách tài chính quốc tế

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế quốc tế

Nội dung học phần: Học phần cung cấp các lý thuyết, mô hình cơ bản trong lĩnh vực tài chính quốc tế và chính sách tài chính quốc tế trong nền kinh tế mở. Sau khi học

Học phân người học có thể hiểu, phân tích, đánh giá được các chính sách liên quan tới lĩnh vực tài chính quốc tế như: chính sách tỉ giá, chính sách tiền tệ, chính sách thương mại, của một quốc gia.

11.39. Học phần: Kinh doanh quốc tế

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, hiểu biết cơ bản và chuyên sâu về kinh doanh quốc tế một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật ở mức độ có thể được với những thay đổi diễn ra từng ngày trong môi trường và hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.

11.40. Học phần: Kinh tế quốc tế nâng cao

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế quốc tế

Nội dung học phần học: Cung cấp cho sinh viên kiến thức nâng cao về lý thuyết & chính sách thương mại và đầu tư quốc tế. Khóa học này giải thích lý do và lợi ích từ thương mại bằng cách sử dụng các lý thuyết dựa trên mô hình Ricardo mở rộng, cũng như các lý thuyết dựa trên lợi nhuận ngày càng tăng, sự khác biệt về sở thích, mô hình lực hấp dẫn, chuyển động của các yếu tố quốc tế, lý thuyết đa quốc gia.

11.41. Học phần: Luật sở hữu trí tuệ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức nền tảng về pháp luật sở hữu trí tuệ; các quy định pháp luật cụ thể về quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, luật bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu và bí mật thương mại (và các lĩnh vực khác liên quan đến SHTT của nhà nước), cũng như một số tranh cãi nổi bật trong luật sở hữu trí tuệ, bao gồm bảo vệ bằng sáng chế cho phần mềm và các phương thức kinh doanh.

11.42. Học phần: Quản trị chuỗi cung ứng

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh

Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, ứng dụng quản trị chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh toàn cầu của các công ty đa quốc gia. Kết thúc học phần người học có thể hiểu được việc thiết kế, điều hành hoạt động, kiểm tra kiểm soát chuỗi cung ứng trong hoạt động sản xuất kinh doanh toàn cầu.

11.43. Học phần: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**Thời lượng:** 2 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Không

Nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...). Học phần cũng củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

11.44. Học phần: Kiến tập**Thời lượng:** 02 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Không

Nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên cơ hội quan sát một hoạt động thực tế tại doanh nghiệp, rèn luyện kỹ năng tư duy phân tích, tư duy sáng tạo để phát triển bản thân và kỹ năng nghề nghiệp giúp nâng cao cơ hội việc làm ở các doanh nghiệp mong đợi.

11.45. Học phần: Thẩm định và quản trị dự án đầu tư**Thời lượng:** 3 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Kinh tế vi mô, Nguyên lý kế toán, Quản trị học

Nội dung học phần: Học phần trình bày các kiến thức cơ bản và nâng cao về lý thuyết và những ứng dụng thực tế của việc thẩm định và quản trị dự án đầu tư. Học phần sẽ được chia thành hai phần chính. Phần thứ nhất của Học phần sẽ đề cập đến việc thẩm định dự án đầu tư, đặc biệt chú trọng về mặt tài chính của một dự án đầu tư; phần thứ hai của Học phần sẽ tập trung vào việc quản trị dự án đầu tư.

11.46. Học phần: Vận tải và bảo hiểm quốc tế**Thời lượng:** 3 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và nghiệp vụ về vận tải quốc tế bằng đường biển, đường hàng không, vận tải đa phương thức và Logistics. Song song đó là các Công ước quốc tế, các nguồn luật quốc tế và Việt Nam điều chỉnh các mối quan hệ trong các phương thức vận tải trên. Trong phần Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về bảo hiểm; các điều kiện bảo hiểm của Hiệp hội bảo hiểm London và của Công ty bảo hiểm Việt Nam.

11.47. Học phần: Thanh toán quốc tế**Thời lượng:** 3 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tỉ giá hối đoái và chính sách tỉ giá, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế, nghiệp vụ tài trợ ngoại thương và hoạt động bảo lãnh của ngân hàng liên quan hoạt động xuất nhập khẩu. Ngoài ra, Học phần còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng thực hành các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán quốc tế: thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế, các nghiệp vụ tài trợ trong ngoại thương, bảo lãnh ngân hàng liên quan xuất nhập khẩu, bảo hiểm nguồn tiền xuất nhập khẩu,...

11.48. Học phần: Quản lý kho hàng và phân phối**Thời lượng:** 3 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị chuỗi cung ứng

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kho hàng: đặc điểm, phân loại nguyên tắc thiết kế, nguyên tắc phân chia kho, các phương tiện sử dụng trong kho; quản trị tồn kho và hệ thống phân phối trong doanh nghiệp.

11.49. Học phần: Quản trị mua hàng toàn cầu**Thời lượng:** 3 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên cách tổ chức bộ phận thu mua với cấu trúc và quy trình thích hợp với hoạt động doanh nghiệp; Xây dựng và thực hiện chính sách mua hàng, hướng dẫn quản lý hợp đồng, quy trình và thủ tục; Đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán về hợp đồng và phát triển các nhà cung cấp chiến lược; Đánh giá và phát triển đội ngũ nhân viên mua hàng để đảm bảo các nguồn lực được sử dụng hiệu quả đáp ứng tiến độ công việc và mục tiêu đề ra; Phân tích và đánh giá các xu hướng giá cả bên ngoài và sản phẩm mới để xác định các cơ hội giảm chi phí mua hàng tổng thể; Kiểm soát ngân sách của bộ phận mua hàng.

11.50. Học phần: Đầu tư quốc tế**Thời lượng:** 3 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Nguyên lý kế toán, Kinh tế quốc tế

Nội dung học phần: Học phần nhằm cung cấp kiến thức lý luận và thực tiễn cho người học về hoạt động đầu tư quốc tế trên thế giới và tại Việt Nam; các nội dung về khái niệm, đặc điểm, các hình thức cơ bản của đầu tư quốc tế, đặc biệt tập trung vào hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài với những vấn đề như xu hướng đầu tư, các tác động của hoạt động đầu tư, kỹ thuật đầu tư quốc tế.

11.51. Học phần: Quản trị đa văn hóa**Thời lượng:** 3 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Quản trị học

Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản về quản trị Đa văn hóa, văn hóa kinh doanh, văn hóa dân tộc trong kinh doanh, các loại hình văn hóa kinh doanh, giao tiếp xuyên văn hóa, quản trị Đa văn hóa trong các công ty Đa quốc gia, đặc tính văn hóa kinh doanh của một số nước...

11.52. Học phần: Quản trị tài chính công ty đa quốc gia**Thời lượng:** 3 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Nguyên lý kế toán, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế quốc tế

Nội dung học phần: Học phần này bao gồm các vấn đề về quản trị tài chính của công ty đa quốc gia. Đó là các vấn đề như: Tổng quan về tài chính công ty; môi trường tài chính quốc tế; Công ty đa quốc gia và vấn đề quản trị tài chính quốc tế; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản lưu động; Quản trị hệ thống tài chính đa quốc gia; Quản trị thuế quốc tế; Lập kế hoạch chiến lược toàn cầu.

11.53. Học phần: Logistics**Thời lượng:** 3 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Thống kê trong kinh doanh

Nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên hiểu được nội dung cơ bản về logistics và các hoạt động logistics, hiểu rõ các yếu tố xác định chi phí logistics; Có kiến thức tổng quát về cách thức tổ chức hoạt động logistics đang được ứng dụng tại một số doanh nghiệp VN; Hoàn thiện và xây dựng được các phương án tối ưu cho hoạt động logistics cho DN.

11.54. Học phần: Đàm phán kinh doanh quốc tế**Thời lượng:** 03 tín chỉ**Học phần tiên quyết:** Không

Nội dung học phần: Học phần đàm phán kinh doanh trang bị cho sinh viên chuyên ngành kinh tế đối ngoại những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp luận, kỹ năng về đàm phán kinh doanh với các nội dung: các kỹ thuật và kỹ năng đàm phán kinh doanh, nhận thức và hiểu biết sâu sắc về nghệ thuật đàm phán.

11.55. Học phần: Quản trị xuất nhập khẩu**Thời lượng:** 3 tín chỉ**Điều kiện tiên quyết:** Vận tải và bảo hiểm quốc tế

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị xuất nhập khẩu, gồm các nội dung chủ yếu như sau: Hoạch định chiến lược

kinh doanh xuất nhập khẩu; Đàm phán hợp đồng xuất nhập khẩu; Soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và tổ chức thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu.

11.56. Học phần: Thực tập cuối khoá

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành xong Kiến tập & tích lũy được tối thiểu 100 tín chỉ của chương trình đào tạo.

Nội dung học phần: Thực tập cuối khoá là yêu cầu bắt buộc của chương trình. Đây là thời gian sinh viên được tiếp cận với môi trường kinh doanh tại công ty lựa chọn. Thực tập giúp sinh viên làm quen với những nghề nghiệp và tham gia vào quá trình lao động, đồng thời áp dụng kiến thức và kỹ năng đã được trang bị trong chương trình và đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

11.57. Học phần: Khoá luận tốt nghiệp

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành xong Thực tập cuối khoá

Nội dung học phần: Khoá luận tốt nghiệp là học phần cuối cùng để nhận bằng cử nhân, thường được tổ chức vào học kỳ 8 hoặc có thể sớm hơn. Khoá luận tốt nghiệp là việc vận dụng cơ sở lý thuyết để nghiên cứu, nhận xét, đánh giá và tìm ra hướng giải quyết một vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp hoặc của nền kinh tế. Sinh viên phải hoàn thành báo cáo khoá luận và bảo vệ trước hội đồng. Khoá luận được thực hiện bởi sinh viên dưới sự hướng dẫn khoa học của giảng viên trong một đề tài nghiên cứu nhất định liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

11.58. Học phần: Thuế và thủ tục hải quan

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các loại thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu, nguyên tắc xác định trị giá hải quan cho hàng xuất khẩu, nhập khẩu; nguyên tắc mã hoá hàng hoá xuất nhập khẩu (HS codes); nguyên tắc xác định xuất xứ cho hàng hoá xuất nhập khẩu. Sinh viên có thể áp dụng thủ tục hải quan cho hàng xuất nhập khẩu cho các loại hình kinh doanh đặc biệt. Sinh viên cũng có thể thực hành khai báo thủ tục hải quan điện tử cho một số loại hình xuất nhập khẩu đặc biệt.

11.59. Học phần: Chính sách thương mại quốc tế

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức trong việc nhận biết, đánh giá, giải thích, phân tích các bình luận một cách logic và hệ thống các

vấn đề học thuật và thực tiễn liên quan đến chính sách thương mại quốc tế của các quốc gia và Việt Nam được xây dựng trên quan điểm của WTO và các cam kết của Việt Nam với WTO. Học phần liên quan đến các nội dung như các học thuyết nền tảng về thương mại quốc tế; khung chính sách thương mại quốc tế; các công cụ của chính sách TMQT, thương mại dịch vụ, hội nhập quốc tế và khu vực của Việt Nam thông qua các vòng đàm phán đa phương và song phương.

12. Đội ngũ giảng viên (xem Phụ lục)

12.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần giảng dạy
1	Huỳnh Thị Thúy Giang	1976	PGS.TS Kinh tế, Tài chính	Đại học Kinh tế - Luật: 13 năm	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Chuyên ngành)
2	Lê Tuấn Lộc	1970	PGS.TS Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 15 năm	Chính sách tài chính quốc tế (Chuyên ngành)
3	Trần Thanh Long	1973	Tiến sĩ Kinh doanh thương mại	Đại học Kinh tế - Luật: 14 năm	Đàm phán kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Thanh toán quốc tế (Chuyên ngành)
4	Lưu Tiến Dũng	1987	Tiến sĩ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 3 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Phương pháp NCKH (Ngành)
5	Trần Thiện Trúc Phụng	1974	Thạc sĩ Kinh tế phát triển	Đại học Kinh tế - Luật: 15 năm	Thẩm định và quản trị dự án đầu tư (Cơ sở ngành)
6	Hoàng Lâm Cường	1973	Tiến Sĩ Management	Đại học Kinh tế - Luật: 14 năm	Vận tải và bảo hiểm quốc tế (Chuyên ngành) Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành)

					Quản trị mua hàng toàn cầu (Chuyên ngành) Logistics (Chuyên ngành)
7	Nguyễn Hoàng Dũng	1974	Tiến sĩ SCM, logistics	Đại học Kinh tế - Luật: 14 năm	Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành) Quản trị mua hàng toàn cầu (Chuyên ngành) Logistics (Chuyên ngành) Quản lý kho hàng & phân phối (Chuyên ngành)
8	Ngô Thanh Trà	1983	Thạc sĩ Kinh tế học tài chính	Đại học Kinh tế - Luật: 14 năm	Thẩm định và quản trị dự án đầu tư (Cơ sở ngành) Quản trị đa văn hóa (Chuyên ngành)
9	Nguyễn Duy Quang	1979	Tiến sĩ Kinh doanh và quản lý	Đại học Kinh tế - Luật: 11 năm	Vận tải và bảo hiểm quốc tế (Chuyên ngành) Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành) Quản lý kho hàng & phân phối (Chuyên ngành)
10	Đào Thị Ngọc	1987	Thạc sĩ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 11 năm	Kinh tế quốc tế (Khối ngành) Kinh tế đối ngoại (Cơ sở ngành ngành) Kinh tế quốc tế nâng cao (Chuyên ngành) Chính sách thương mại quốc tế (Chuyên đề)
11	Nguyễn Thị Diệu Hiền	1988	Thạc sĩ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 10 năm	Kinh tế quốc tế (Khối ngành) Thanh toán quốc tế (Chuyên ngành) Giới thiệu ngành KTQT (Chuyên ngành)

					Kinh tế đối ngoại (Cơ sở ngành)
12	Nguyễn Văn Nền	1988	Tiến sĩ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 9 năm	Kinh tế quốc tế (Khối ngành) Giới thiệu ngành KTQT (Chuyên ngành) Chính sách tài chính quốc tế (Chuyên ngành)
13	Phạm Ngọc Ý	1989	Tiến sĩ Kinh doanh thương mại	Đại học Kinh tế - Luật: 9 năm	Kinh tế quốc tế (Khối ngành) Đàm phán kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Chính sách thương mại quốc tế (Chuyên đề) Kinh tế đối ngoại (Chuyên ngành)
14	Phùng Tuấn Thành	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế - Luật: 6 năm	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Chuyên ngành) Thẩm định và quản trị dự án đầu tư (Cơ sở ngành) Đầu tư quốc tế (Chuyên ngành)
15	Mai Thị Cẩm Tú	1981	Tiến sĩ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 7 năm	Quản trị xuất nhập khẩu (Chuyên ngành) Giao dịch thương mại quốc tế (Chuyên ngành) Thuế và thủ tục hải quan (Chuyên đề)
16	Nguyễn Thị Phương Linh	1987	Thạc sĩ Nghiên cứu thị trường	Đại học Kinh tế - Luật: 5 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành)

17	Hoàng Thị Quế Hương	1992	Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 5 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Phương pháp nghiên cứu khoa học (Cơ sở ngành)
18	Trương Kim Hương	1984	Thạc sĩ Kinh tế thế giới & Quan hệ kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 5 năm	Kinh tế quốc tế (Khối ngành) Kinh tế quốc tế nâng cao (Chuyên ngành) Thanh toán quốc tế (Chuyên ngành) Quản trị xuất nhập khẩu (Chuyên ngành) Giao dịch thương mại quốc tế (Chuyên ngành)
19	Hoàng Ngọc Hiếu	1985	Thạc sĩ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 3 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Giới thiệu ngành KTQT (chuyên ngành)
20	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	1980	Tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng	Đại học Kinh tế - Luật: 2 năm	Quản trị tài chính công ty Đa quốc gia (Chuyên ngành) Đầu tư quốc tế (Chuyên ngành)
21	Trần Mỹ Linh	1992	Tiến sĩ, Strategy and Development of Enmerging Industries	Đại học Kinh tế - Luật: 2 năm	Kinh doanh quốc tế (Cơ sở ngành); Quản trị đa văn hóa (Chuyên ngành)
22	Huỳnh Thủy Tiên	1985	Thạc sĩ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 2 năm	Kinh tế quốc tế (Khối ngành) Kinh tế quốc tế nâng cao (Chuyên ngành) Chính sách thương mại quốc tế (Chuyên đề)

					Thẩm định và quản trị dự án đầu tư (Cơ sở ngành)
--	--	--	--	--	--

12.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần giảng dạy
1	Hồ Thị Lan Chi	1984	Thạc sĩ Kinh tế quốc tế	3 năm	Thuế và thủ tục hải quan (Học phần chuyên đề)
2	Ngô Quỳnh Trang	1997	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng	2 năm	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Chuyên ngành) Kinh tế quốc tế (Khỏi ngành)
3	Võ Hoàng Kim An	1984	Tiến sĩ	10 năm	Kinh tế quốc tế (Khỏi ngành)
4	Phạm Ngọc Dưỡng	1969	Tiến sĩ kinh tế học	10 năm	Logistics (Chuyên ngành) Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành)

12.3 Danh sách giảng viên cơ hữu khoa khác

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần giảng dạy
1	Lê Hoàn Sử	1978	TS, E-Business	12	Thương mại điện tử Giải pháp AI trong kinh doanh & quản lý
2	Trần Thị Ánh	1978	TS, E-Business	12	Thương mại điện tử
3	Trần Duy Thanh	1983	TS, Khoa học dữ liệu	14	Giải pháp AI trong kinh doanh & quản lý
4	Dương Anh Sơn	1964	PGS., Luật	30	Luật thương mại quốc tế
5	Vũ Kim Hạnh Dung	1988	TS, Luật	8	Luật thương mại quốc tế
6	Phùng Thanh Bình	1978	TS, E-Business	12	Marketing quốc tế
7	Phạm Trung Tuấn	1976	TS, Quản trị ki doanh	12	Marketing quốc tế Mô hình kinh doanh số

8	Nguyễn Thị Lâm Nghi	1981	ThS, Luật	16	Luật sở hữu trí tuệ
9	Châu Quốc An	1977	ThS, Luật	20	Luật sở hữu trí tuệ
10	Phạm Hồng Liên	1982	TS, QTKD	16	Mô hình kinh doanh số

12.4. Danh sách cố vấn học tập

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy
1	Lưu Tiến Dũng	1987	Tiến sĩ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 3 năm
2	Hoàng Lâm Cường	1973	Tiến Sĩ Kinh tế	Đại học Kinh tế - Luật: 14 năm
3	Nguyễn Hoàng Dũng	1974	Tiến sĩ SCM, logistics	Đại học Kinh tế - Luật: 14 năm
4	Ngô Thanh Trà	1983	Thạc sĩ Kinh tế học tài chính	Đại học Kinh tế - Luật: 14 năm
5	Nguyễn Duy Quang	1979	Tiến sĩ Kinh doanh và quản lý	Đại học Kinh tế - Luật: 11 năm
6	Nguyễn Thị Diệu Hiền	1988	Thạc sĩ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 10 năm
7	Phạm Ngọc Ý	1989	Tiến sĩ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 9 năm
8	Phùng Tuấn Thành	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế - Luật: 6 năm
9	Mai Thị Cẩm Tú	1981	Tiến sĩ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 7 năm
10	Nguyễn Thị Phương Linh	1987	Thạc sĩ Nghiên cứu thị trường	Đại học Kinh tế - Luật: 5 năm
11	Hoàng Thị Quế Hương	1992	Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 5 năm
12	Trương Kim Hương	1984	Thạc sĩ Kinh tế thế giới & Quan hệ kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 5 năm
13	Hoàng Ngọc Hiếu	1985	Thạc sĩ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 3 năm
14	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	1980	Tiến sĩ Tài chính	Đại học Kinh tế - Luật: 2 năm

15	Trần Mỹ Linh	1992	Tiến sĩ, Strategy and Development of Enmerging Industries	Đại học Kinh tế - Luật: 2 năm
16	Huỳnh Thủy Tiên	1985	Thạc sĩ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 2 năm

13. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

13.1. Phòng học

Tại cơ sở nhà điều hành và học tập của Trường đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG-HCM tại Khu phố 3 - Phường Linh Xuân – TP. Thủ Đức.

13.2. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành

STT	Tên phòng thí nghiệm, địa chỉ	Đơn vị chủ quản	Học phần	Diện tích	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (máy tính)
1	Phòng Lab Business Intelligence	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Thương mại điện tử		55
2	Phòng máy 601 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Hệ thống thông tin kinh doanh		45
3	Phòng máy 607 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật			45
4	Phòng máy 501 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật			45
5	Phòng máy 511 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật			45
6	Phòng máy 707 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật			45

13.3. Hội trường

Trường đại học Kinh tế - Luật có 1 hội trường với tổng diện tích 923 m² được trang bị hiện đại, sử dụng cho hoạt động công tác của Trường và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào của sinh viên.

13.4. Thư viện

Thư viện trường với cơ sở chính tọa lạc tại tòa nhà KTLB2 và cơ sở hai tại số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1.

Hệ thống thư viện: thư viện có khoảng 630 chỗ ngồi với tổng diện tích 1.912 m²; Với số lượng tài liệu lớn và thường xuyên được cập nhật, bổ sung theo yêu cầu của giảng viên nhằm đảm bảo mỗi học phần đều có ít nhất là 1 giáo trình và 5 tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó, các loại sách, báo, tạp chí cần thiết đều được đặt mua định kỳ. Sinh viên chương trình chất lượng cao được cấp miễn phí sách giáo trình và tài liệu tham khảo do Trường đại học Kinh tế - Luật xuất bản và được mượn giáo trình khác từ thư viện trong suốt quá trình học học phần của chương trình đào tạo; Trường đã trang bị máy scan, máy in phục vụ cho việc sao lưu tài liệu học tập của sinh viên:

- Tổng diện tích thư viện 1.912 m².
- Số chỗ ngồi: 630
- Số lượng máy tính có kết nối internet: 57 máy.
- 02 máy Scan, 01 máy photocopy phục vụ miễn phí cho sinh viên in ấn tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học.
- Phần mềm quản lý thư viện: Seirra;
- Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật: là thành viên trong khối ĐHQG HCM nên bạn đọc được sử dụng chung nguồn tài nguyên thông tin (sách, giáo trình, tài liệu điện tử trong nước và nước ngoài) của các thư viện thành viên. Có thư viện điện tử, đã kết nối được với 01 CSDL điện tử ngoài nước (OECD); Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 ebook.
- Kết nối: Thư viện ĐH Kinh tế - Luật đã kết nối và chia sẻ nguồn lực thông tin với 04 trường Đại học trong nước: Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật TP.HCM, Đại học Ngân hàng, Đại học kiểm sát; kết nối với mạng lưới thư viện các trường Đại học ASEAN (AUNILo, link: <https://aunilosec.blog/>).
- Thư viện trung tâm ĐHQG TP.HCM: có thư viện điện tử, đã kết nối được với 04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học & Công nghệ của Cục KH&CN Quốc gia Việt Nam; CSDL Ebook tiếng Việt của Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM bao gồm: sách giáo khoa, giáo trình, từ điển thuộc tất cả các lĩnh vực) và CSDL thống kê VIETDATA, đã kết nối được với 14 CSDL điện tử ngoài nước: Acs (American Chemical Society), Asme (American Society Of Mechanical Engineers, Ieee Xplore Digital Library, Ig Publishing, Iop

Science Journals, JI (John Libbey Eurotext), Mathscinet, Mit Opencourseware, Nature, Oxford Scholarship Online, Proquest Central, Sciencedirect, Springer Open, Springerlink, Số lượng sách, giáo trình điện tử: 267 ebook.

- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế-Luật: được trang bị máy tính kết nối Internet.

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình dự kiến áp dụng từ năm học 2023-2024

15. Kế hoạch bảo đảm chất lượng

Chương trình sẽ được cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần và có thay đổi lớn định kỳ 4 năm 1 lần. Trong 4 năm, khoa sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và những nhà chuyên môn để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cao nhất cho xã hội.

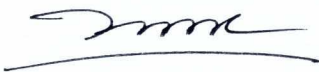
16. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

(xem Phụ lục)

17. Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của chương trình

(xem Phụ lục)

PHÓ TRƯỞNG KHOA



Lưu Tiến Dũng

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

PHỤ LỤC

Bảng 12.1 Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Lê Tuấn Lộc 10/3/1970	24611769, Việt Nam	PGS, 2021	TS, Nga, 2003	Kinh tế học	6/2004		HC4790204307871	19	5	43	
2	Huỳnh Thị Thúy Giang 01/01/10976	49176010493 Việt Nam	PGS, 2022	TS, Việt Nam, 2012	Kinh tế, tài chính, ngân hàng	17/03/2008		HC4790299012292	15	6	21	
3	Lưu Tiến Dũng 23/10/1987	230703360 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Kinh tế học	01/08/2020		HC4797511156514	10		42	
4	Nguyễn Hoàng Dũng 18/01/1974	036074010276; Việt Nam		TS, Hà Lan, 2018	Industry	01/03/2007		0296344015	15		2	

5	Trần Thanh Long 17/12/1973	54073010965 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Kinh doanh thương mại	1/5/2005		HC4797939500731			14	
6	Hoàng Lâm Cường 29/9/1973	34073021352 Việt Nam		TS, Úc, 2020	Management	01/04/2001			22			
7	Mai Thị Cẩm Tú 05/10/1982	83182018903 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2016	Kinh tế học	01/06/2007		HC4790206231919	6		17	
8	Nguyễn Duy Quang 01/01/1979	72079008913 Việt Nam		TS, Thái Lan, 2022	Development Administration	01/01/2010		7910100164	12			
9	Nguyễn Văn Nền 14/4/1988	321301880 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2021	Kinh tế học	01/11/2011		HC4797911498458			20	
10	Nguyễn Thị Ngọc Diệp 15/11/1980	035180008244; Việt Nam		TS, Việt Nam, 2018	Tài chính- Ngân hàng	01/09/2021		HC4704038358	22		7	
11	Phạm Ngọc Ý 17/09/1989	74189007176 Việt Nam		TS, Việt Nam, 2022	Kinh doanh thương mại	01/11/2011		HC4797911498454	11		10	
12	Trần Mỹ Linh 25/12/1992	272141457; Việt Nam		TS, Đài Loan, 2021	Strategy and Development of Enmerging Industries	14/01/2022		HC4797524544658	1		8	
13	Ngô Thanh Trà 09/12/1983	079183025569, Việt Nam		ThS, Úc, 2012	Economics	12/09/2006		HC4790205327406	14		9	
14	Hoàng Thị Quế Hương 14/9/1992	068192011917, Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2017	Business Administration	15/10/2018		HC47997914278185	4		13	

15	Nguyễn Thị Phương Linh 01/1/1987	205298618; Việt Nam		Ths, Bi, 2016	Marketing Analysis	15/02/2017		HC4797709026791	5		4	
16	Phùng Tuấn Thành 07/5/1985	001085028729; Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2009	Quản trị kinh doanh	01/06/2016		8009687399	13		8	
17	Hoàng Ngọc Hiếu 03/5/1985	034085018946 Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2013	Kinh tế học	01/09/2007		0207379759	4		20	
18	Nguyễn Thị Diệu Hiền 17/6/1988	80188000594 Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2015	Kinh tế thế giới & Quan hệ kinh tế quốc tế	01/11/2010		HC4797910522885	12		9	
19	Trương Kim Hương 16/10/1984	083184000037 Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2014	Kinh tế thế giới & Quan hệ kinh tế quốc tế	15/10/2018		HC4790207379760	4			
20	Huỳnh Thủy Tiên 27/11/1985	79185032646 Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2012	Kinh tế học	01/09/2007		HC4790207379767	1		1	
21	Đào Thị Ngọc 09/09/1987	C8707321 Việt Nam		ThS, Vietnam, 2013	Chính sách công	2010			10		3	
22	Trần Thiện Trúc Phương 13/11/1974	79174009398 Việt Nam		ThS, Việt Nam, 2000	Kinh tế phát triển	1/10/2004		0201144128	21		2	

Bảng 12.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Lê Tuấn Lộc	Chính sách tài chính quốc tế	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
2	Huỳnh Thị Thúy Giang	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
3	Lưu Tiến Dũng	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Kinh doanh quốc tế	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
4	Nguyễn Hoàng Dũng	Logistics	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Quản trị mua hàng toàn cầu	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
		Quản lý kho hàng và phân phối	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				

5	Trần Thanh Long	Thanh toán quốc tế	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Đàm phán kinh doanh quốc tế	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				
6	Hoàng Lâm Cường	Logistics	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Vận tải và bảo hiểm quốc tế	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
		Quản trị chuỗi cung ứng	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
7	Mai Thị Cẩm Tú	Giao dịch thương mại quốc tế	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Quản trị xuất nhập khẩu	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				
		Chuyên môn cuối khoá 1: Thuế và thủ tục hải quan (Đối với SV không làm khóa luận)	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				
8	Nguyễn Duy Quang	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Quản trị chuỗi cung ứng	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
		Quản lý kho hàng và phân phối	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
9	Nguyễn Văn Nên	Giới thiệu ngành Kinh tế quốc tế	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Chính sách tài chính quốc tế	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				

10	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Đầu tư quốc tế	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
11	Phạm Ngọc Ý	Kinh tế đối ngoại	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Kinh tế quốc tế	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				
		Đàm phán kinh doanh quốc tế	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				
		Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (Đối với SV không làm khóa luận)	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				
12	Trần Mỹ Linh	Quản trị đa văn hóa	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
13	Ngô Thanh Trà	Quản trị đa văn hóa	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Thẩm định và quản trị dự án đầu tư	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
14	Hoàng Thị Quế Hương	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Kinh doanh quốc tế	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
15	Nguyễn Thị Phương Linh	Kinh doanh quốc tế	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN

16	Phùng Tuấn Thành	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Đầu tư quốc tế	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
		Thẩm định và quản trị dự án đầu tư	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
17	Hoàng Ngọc Hiếu	Giới thiệu ngành Kinh tế quốc tế	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Kinh tế quốc tế	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				
18	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Giới thiệu ngành Kinh tế quốc tế	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Kinh tế đối ngoại	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				
		Kinh tế quốc tế	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				
		Thanh toán quốc tế	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
19	Trương Kim Hương	Kinh tế quốc tế	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Kinh tế quốc tế nâng cao	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
		Giao dịch thương mại quốc tế	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				
		Thanh toán quốc tế	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
		Quản trị xuất nhập khẩu	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				
20	Huỳnh Thủy Tiên	Kinh tế quốc tế	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện

		Kinh tế quốc tế nâng cao	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Thẩm định và quản trị dự án đầu tư	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
		Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (Đối với SV không làm khóa luận)	Học kỳ 8, năm thứ 8	X				
21	Đào Thị Ngọc	Kinh tế quốc tế	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN
		Kinh tế quốc tế nâng cao	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
		Kinh tế đối ngoại	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
		Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (Đối với SV không làm khóa luận)	Học kỳ 8, năm thứ 8	X				
22	Trần Thiện Trúc Phương	Thẩm định và quản trị dự án đầu tư	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào; hướng dẫn kiến tập, thực tập, khóa luận TN

Bảng 12.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lưu Tiến Dũng, 23/10/1987, Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ, 2019	Kinh tế học	

Bảng 12.4. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy học phần

STT	Học phần	Mã học phần	Họ tên giảng viên giảng dạy 1	Họ tên giảng viên giảng dạy 2	Họ tên giảng viên giảng dạy 3
HỌC KỲ 1					
Học phần bắt buộc	Giới thiệu ngành Kinh tế quốc tế	BRE3010	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Hoàng Ngọc Hiếu	Nguyễn Văn Nên
HỌC KỲ 3					
Học phần bắt buộc	Kinh tế đối ngoại	BRE3011	Phạm Ngọc Ý	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Đào Thị Ngọc
HỌC KỲ 4					
Học phần bắt buộc	Marketing quốc tế	BBM5024	Phùng Thanh Bình	Phạm Trung Tuấn	
	Kinh tế quốc tế	BRE2031	Phạm Ngọc Ý	Trương Kim Hương	Huỳnh Thủy Tiên
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BRB4015	Lưu Tiến Dũng	Hoàng Thị Quế Hương	
Học phần tự chọn	Thương mại điện tử	BIE5043	Trần Thị Ánh	Lê Hoàng Sứ	
	Giải pháp AI trong kinh doanh & quản lý		Trần Duy Thanh	Lê Hoàng Sứ	
	Luật thương mại quốc tế	BKT5023	Dương Anh Sơn	Vũ Kim Hạnh Dung	
	Giao dịch thương mại quốc tế	BRE4008	Mai Thị Cẩm Tú	Trương Thị Kim Hương	
	Mô hình kinh doanh số	BBB3025	Trần Thị Hồng Liên	Phạm Trung Tuấn	
HỌC KỲ 5					
Học phần bắt buộc	Chính sách tài chính quốc tế	BRE4012	Lê Tuấn Lộc	Nguyễn Văn Nên	
	Kinh doanh quốc tế	BRE4012	Lưu Tiến Dũng	Nguyễn Thị Phương Linh	Hoàng Thị Quế Hương

Học phần tự chọn	Kinh tế quốc tế nâng cao	BRE4012	Huỳnh Thủy Tiên	Đào Thị Ngọc	Trương Kim Hương
	Luật sở hữu trí tuệ	BKB4020	Nguyễn Thị Lâm Nghi	Châu Quốc An	
	Quản trị chuỗi cung ứng	BRB4017	Nguyễn Hoàng Dũng	Hoàng Lâm Cường	Nguyễn Duy Quang
HỌC KỶ 6					
Học phần bắt buộc	Kiến tập	BUU6002			
	Thẩm định và quản trị dự án đầu tư	BRB4026	Ngô Thanh Trà	Phùng Tuấn Thành	Huỳnh Thủy Tiên
	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	BRE4028	Hoàng Lâm Cường	Nguyễn Duy Quang	
Học phần tự chọn	Thanh toán quốc tế	BRE4027	Trần Thanh Long	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Trương Kim Hương
	Quản lý kho hàng và phân phối	BRB4016	Hoàng Lâm Cường	Nguyễn Duy Quang	Nguyễn Hoàng Dũng
	Quản trị mua hàng toàn cầu	BRB4020	Nguyễn Hoàng Dũng	Hoàng Lâm Cường	
	Đầu tư quốc tế	BRB4007	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Phùng Tuấn Thành	
	Quản trị đa văn hóa	BRB4019	Ngô Thanh Trà	Trần Mỹ Linh	
HỌC KỶ 7					
Học phần bắt buộc	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	BRB4022	Huỳnh Thị Thúy Giang	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Phùng Tuấn Thành
	Logistics	BRE4013	Hoàng Lâm Cường	Nguyễn Hoàng Dũng	
	Đàm phán kinh doanh quốc tế	BRE4006	Trần Thanh Long	Phạm Ngọc Ý	
	Quản trị xuất nhập khẩu	BRE4024	Mai Thị Cẩm Tú	Trương Kim Hương	
HỌC KỶ 8					
Học phần	Thực tập cuối khoá	BUU6003			

bắt buộc					
	Khóa luận tốt nghiệp	BUU6001			
	Chuyên đề: Thuế và thủ tục hải quan	BRE4004	Hồ Thị Lan Chi	Mai Thị Cẩm Tú	
	Chuyên đề: Chính sách thương mại quốc tế	BRE4005	Huỳnh Thủy Tiên	Phạm Ngọc Ý	Đào Thị Ngọc

Bảng 13.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng (Phòng)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	2	2610		2010	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	550		2010	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	8	1190		2010	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	74	6121		2010	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	3	300		2017	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	28	3223.5		2012	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	1	1912		2015	

2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	2610		2010	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2	550		2010	

Bảng 13.2. Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	Nguyễn Văn Trinh	2006		Kinh tế đối ngoại	BRE3011	Học kỳ 3, năm thứ 2	
2	International Marketing, 19th Edition	Philip R. Cateora, Mary C. Gilly and John L. Graham, International Marketing, 19th Edition, Irwin-	McGraw Hill, 2019.		Marketing quốc tế	BBM5024	Học kỳ 4, năm thứ 2	
3	Giáo trình giới thiệu ngành kinh doanh quốc tế	Huỳnh Thị Thúy Giang Nguyễn Văn Nền, Nguyễn Công Hòa	2021		Giới thiệu ngành Kinh tế quốc tế	BRE3010	Học kỳ 1, năm thứ 1	
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học: viết luận văn và công bố khoa học	Huỳnh Thị Thúy Giang & Lưu Tiến Dũng (2021). Phương pháp nghiên cứu khoa học: viết luận văn và công bố khoa học	2021		Phương pháp nghiên cứu khoa học	BRB4015	Học kỳ 4, năm thứ 2	
5	International Economics: Theory and Policy	Paul R. Krugman and Maurice Obstfeld, International Economics: Theory and Policy	2022		Kinh tế quốc tế nâng cao	BRE4012	Học kỳ 5, năm thứ 3	

6	Cost-Benefit Analysis for Investment Decisions	Jenkins, Glenn & Harberger, Arnold (2019), "Cost-Benefit Analysis for Investment Decisions", Havard Institute for International Development.	2019		Thẩm định và quản trị dự án đầu tư	BRB4026	Học kỳ 6, năm thứ 2	
7	Tài chính quốc tế	PGS. Nguyễn Văn Tiến	Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 2010		Chính sách tài chính quốc tế	BRE4002	Học kỳ 5 năm thứ 3	
8	International Business: Competing in the Global Marketplace, 12th Edition	Charles W. L. Hill, G. Tomas M. Hult	2018		Kinh doanh quốc tế	BRB4001	Học kỳ 5 năm thứ 3	
9	Multinational Financial Management 11th Edition	Alan C. Shapiro (2019), Multinational Financial Management 11th Edition, John Wiley	John Wiley 2019		Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	BRB4022	Học kỳ 7 năm thứ 4	
10	Giáo trình Vận tải quốc tế và bảo hiểm vận tải quốc tế	Triệu Hồng Cẩm (2014), Giáo trình Vận tải quốc tế và bảo hiểm vận tải quốc tế, NXB Thống kê.	NXB Thống kê 2014		Vận tải và bảo hiểm quốc tế	BRE4028	Học kỳ 6 năm thứ 3	
11	Payment Methods and Finance for International Trade, 1st Edition, Springer Publisher (Singapore).	Sang Man Kim (2021), Payment Methods and Finance for International Trade, 1st Edition, Springer Publisher (Singapore).	Springer Publisher 2021		Thanh toán quốc tế	BRE4027	Học kỳ 6 năm thứ 3	
12	Supply Chain Management, Strategy, Planning, and Operation, 7th edition	Chopra, S. (2019). Supply Chain Management, Strategy, Planning, and Operation, 7th edition, Pearson	Pearson 2019		Quản trị chuỗi cung ứng	BRB4017	Học kỳ 5 năm thứ 3	

13	Negotiation	Roy Lewicki and Bruce Barry and David Saunders, Negotiation – Mc Graw Hill	Mc Graw Hill, 2019		Đàm phán kinh doanh quốc tế	BRE4006	Học kỳ 7 năm thứ 4	
14	Giáo trình Quản trị xuất nhập khẩu	Đoàn Thị Hồng Vân, Giáo trình Quản trị xuất nhập khẩu	NXB Kinh tế, 2021		Quản trị xuất nhập khẩu	BRE4024	Học kỳ 7 năm thứ 4	
15	E-Commerce (15th Edition)	Kenneth C. Laudon • Carol Guercio Traver, E-Commerce 2019: Business, Technology and Society (15th Edition)	Pearson 2019		Thương mại điện tử	MIS1034	Học kỳ 4 năm thứ 2	
16	The Law and Policy of the World Trade Organization (4th edn.)	Peter Van den Bossche and Werner Zdouc (2016), The Law and Policy of the World Trade Organization (4th edn.),	Cambridge University Press. 2016		Luật thương mại quốc tế	BKT5023	Học kỳ 4 năm thứ 2	
17	Phạm Duy Liên (2012), Giáo trình Giao dịch thương mại quốc tế, NXB Thống kê.	Phạm Duy Liên (2012), Giáo trình Giao dịch thương mại quốc tế,	NXB Thống kê, 2012		Giao dịch thương mại quốc tế	BRE4008	Học kỳ 4 năm thứ 2	
18	Warehouse Management: A complete guide to improving efficiency and minimizing costs in the modern warehouse (3 rd edition)	Richards, G	Kogan Page Limited, 2018		Quản lý kho hàng và phân phối	BRB4016	Học kỳ 6 năm thứ 3	
19	Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ	Trường Đại học Luật TPHCM, Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ, 2018	2018		Luật sở hữu trí tuệ	BKB4020	Học kỳ 5 năm thứ 3	

20	Giáo trình Kinh tế quốc tế	Giáo trình Kinh tế quốc tế, Hoàng Thị Chinh, Nguyễn Phú Tụ, Nguyễn Hữu Lộc; Giáo trình kinh tế quốc tế, Trần Văn Đức (Chủ biên) (sắp xuất bản)	Sắp xuất bản		Kinh tế quốc tế	BRE2031	Học kỳ 4 năm thứ 2	
21	Contemporary Logistics, 12th edition, Pearson	Murphy, P. R., Johnand Jr. A. and Knemeyer, M. (2018). Contemporary Logistics, 12th edition, Pearson	Pearson 2018		Logistics	BRE4013	Học kỳ 5 năm thứ 3	
22	(1) International Management: Culture, Strategy and Behavior (10th ed.). (2) Understanding Cross-Cultural Management (3rd ed.). Pearson Education Limited; (3) International Business: Competing in the Global Marketplace, 12th Edition;•Charles W. L. Hill, G. Tomas M. Hult	(1) International Management: Culture, Strategy and Behavior (10th ed.). McGraw-Hill; (2)Understanding Cross-Cultural Management (3rd ed.). Pearson Education Limited; (3) International Business: Competing in the Global Marketplace, 12th Edition;•Charles W. L. Hill, G. Tomas M. Hult	McGraw-Hill		Quản trị đa văn hoá	BRB4019	Học kỳ 6 năm thứ 3	
23	Procurement Principles and Management in the Digital Age (12th edition)	Baily, P., Farner, D., Crocker, B. and Jessop, D.	Pearson, 2022		Quản trị mua hàng toàn cầu	BRB4020	Học kỳ 6 năm thứ 3	

Stt	Học kỳ	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												TỔNG SỐ	
					KIẾN THỨC			KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT						NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP				
					PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	
Học phần bắt buộc				12														
37	5	BDG1004	Tư tưởng HCM	2	X							X						
38	5	BRE4002	Chính sách tài chính quốc tế	3			X							X				
39	5	BRB4001	Kinh doanh quốc tế	4			X					X		X	X	X		
40	5	BRE4012	Kinh tế quốc tế nâng cao	3			X	X						X				
Học phần tự chọn (2 chọn 1)				3														
41	5	BKB4020	Luật sở hữu trí tuệ	3			X											
42	5	BRB4017	Quản trị chuỗi cung ứng	3			X											
Học kỳ 6				19														
Học phần bắt buộc				13														
43	6	BDG1005	Lịch sử Đảng CSVN	2	X							X						
44	6	BUU6002	Kiến tập	2			X							X	X			
45	6	BRB4026	Thẩm định và quản trị dự	3			X			X	X			X	X	X		

Stt	Học kỳ	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												TỔNG SỐ	
					KIẾN THỨC			KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT						NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP				
					PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	
			án đầu tư															
46	6	BRE4028	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3			X							X	X			
47	6	BRE4027	Thanh toán quốc tế	3			X								X			
Học phần tự chọn 4 chọn 2				6														
48	6	BRB4016	Quản lý kho hàng và phân phối	3			X											
49	6	BRB4020	Quản trị mua hàng toàn cầu	3			X											
50	6	BRB4007	Đầu tư quốc tế	3			X											
51	6	BRB4019	Quản trị đa văn hóa	3			X											
Học kỳ 7				12														
Học phần bắt buộc				12														
52	7	BRB4022	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3			X	X				X		X	X	X		
53	7	BRE4013	Logistics	3			X		X					X	X			

Stt	Học kỳ	MSHP	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												TỔNG SỐ	
					KIẾN THỨC			KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT						NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP				
					PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	
54	7	BRE4006	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3			X		X	X								
55	7	BRE4024	Quản trị xuất nhập khẩu	3			X							X	X			
Học kỳ 8				8														
Học phần bắt buộc																		
56	8	BUU6003	Thực tập cuối khoá	4			X	X	X	X		X	X	X	X	X		
57	8	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4			X	X	X	X		X	X	X	X	X		
Học phần thay thế cho sinh viên không thực hiện khóa luận																		
58	8	BRE4004	Chuyên đề: Thuế và thủ tục hải quan	2			X							X	X			
59	8	BRE4005	Chuyên đề: Chính sách thương mại quốc tế	2			X	X	X							X		

Bảng 17. Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của chương trình

